

Số: /QĐ-ĐHYD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận trúng tuyển trình độ tiến sĩ năm 2025 đợt 2

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1460/QĐ-ĐHYD ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông báo số 2669/TB-ĐHYD ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2025 đợt 2;

Căn cứ Thông báo số 3036/TB-ĐHYD ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuyển sinh trình độ tiến sĩ năm 2025 ngành Gây mê hồi sức;

Căn cứ Thông báo số 3329/TB-ĐHYD ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuyển sinh trình độ tiến sĩ năm 2025 ngành Điện quang và Y học hạt nhân;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2025 và Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển trình độ tiến sĩ năm 2025 đợt 2 cho 73 (bảy mươi ba) học viên của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh thuộc 16 ngành (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Phòng chức năng, Trưởng đơn vị liên quan và học viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Bộ GDĐT (để b/c);
- Lưu: VT, ĐTSĐH_VTT

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Quốc Đạt

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NĂM 2025 ĐỢT 2 CỦA ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH**
(Đính kèm theo quyết định số /QĐ-ĐHYD, ngày tháng năm 2025 của
Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Thời gian đào tạo	Chuyên ngành
1. Ngành Khoa học y sinh (mã số đào tạo: 9720101): 10 học viên						
1.	Lê Hoàng Đình Nguyên	Nam	14/09/1994	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Giải phẫu bệnh
2.	Vũ Huyền Trang	Nữ	30/10/1991	Gia Lai	3 năm	Giải phẫu bệnh
3.	Lý Lệ Uyên	Nữ	30/10/1992	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Giải phẫu bệnh
4.	Nguyễn Tấn Thành	Nam	20/02/1991	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Hóa sinh
5.	Nguyễn Hưng Thịnh	Nam	17/10/1994	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Hóa sinh
6.	Lê Gia Hoàng Linh	Nữ	06/10/1987	Bình Thuận	3 năm	Mô phôi - Di truyền
7.	Nguyễn Anh Xuân	Nữ	24/05/1991	Lâm Đồng	3 năm	Mô phôi - Di truyền
8.	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	22/10/1981	Hà Nội	3 năm	Sinh lý bệnh - Miễn dịch học
9.	Hồ Ngọc Lợi	Nam	26/12/1992	An Giang	3 năm	Sinh lý học
10.	Từ Kim Thanh	Nữ	20/09/1982	Kiên Giang	3 năm	Sinh lý học
2. Ngành Gây mê hồi sức (mã số đào tạo: 9720102): 03 học viên						
1.	Doanh Đức Long	Nam	09/01/1989	Lâm Đồng	3 năm	Gây mê hồi sức
2.	Nguyễn Thiên Phú	Nam	11/02/1988	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Gây mê hồi sức
3.	Trần Ngọc Trung	Nam	24/09/1987	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Gây mê hồi sức
3. Ngành Ngoại khoa (mã số đào tạo: 9720104): 03 học viên						
1.	Nguyễn Thành Luân	Nam	03/11/1992	Tây Ninh	3 năm	Ngoại - Lồng ngực
2.	Lê Minh Tân	Nam	14/5/1985	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Ngoại - Lồng ngực
3.	Trịnh Nguyễn Hạ Vi	Nữ	16/02/1994	Bà Rịa - Vũng Tàu	3 năm	Ngoại - Nhi
4. Ngành Nhi khoa (mã số đào tạo: 9720106): 03 học viên						
1.	Tôn Thất Hoàng	Nam	17/02/1987	Đà Nẵng	3 năm	Nhi khoa
2.	Nguyễn Thị Thu Sương	Nữ	20/11/1985	Cần Thơ	3 năm	Nhi khoa
3.	Lê Ngọc Thư	Nữ	13/12/1990	Vĩnh Long	3 năm	Nhi khoa

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Thời gian đào tạo	Chuyên ngành
5. Ngành Nội khoa (mã số đào tạo: 9720107): 15 học viên						
1.	Huỳnh Thiện Ngôn	Nam	16/09/1986	Tây Ninh	3 năm	Huyết học và Truyền máu
2.	Vũ Mạnh Nhân	Nam	01/01/1992	Hưng Yên	3 năm	Lão khoa
3.	Nguyễn Châu Tuấn	Nam	24/12/1993	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Lão khoa
4.	Hồ Thanh Bình	Nam	27/08/1970	Đồng Nai	3 năm	Nội khoa
5.	Dương Minh Ngọc	Nam	10/12/1987	Đắk Lắk	3 năm	Nội khoa
6.	Huỳnh Thị Thanh Phương	Nữ	26/06/1987	Đồng Tháp	3 năm	Nội khoa
7.	Lê Nhật Thảo	Nữ	06/09/1993	Quảng Trị	3 năm	Nội khoa
8.	Trần Song Toàn	Nam	13/11/1984	Đồng Nai	3 năm	Nội khoa
9.	Trương Triễn Khang	Nam	16/11/1996	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Phục hồi chức năng
10.	Trịnh Minh Tú	Nữ	14/08/1976	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Phục hồi chức năng
11.	Nguyễn Võ Văn Hiến	Nam	09/9/1994	Bình Định	4 năm	Tâm thần
12.	Trần Trung Nghĩa	Nam	10/10/1975	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Tâm thần
13.	Phạm Xuân Lành	Nam	01/01/1984	Quảng Ngãi	3 năm	Thần kinh
14.	Nguyễn Bích Y Linh	Nữ	12/01/1995	Kiên Giang	3 năm	Thần kinh
15.	Đoàn Văn Anh Vũ	Nam	06/02/1993	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Thần kinh
6. Ngành Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (mã số đào tạo: 9720109): 05 học viên						
1.	Nguyễn Thị Hồng Anh	Nữ	27/08/1976	Vĩnh Long	3 năm	Lao
2.	Phan Quang Hiếu	Nam	22/12/1987	Đà Nẵng	3 năm	Lao
3.	Lê Hồng Ngọc	Nữ	24/12/1977	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Lao
4.	Đặng Vũ Thông	Nam	27/03/1972	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Lao
5.	Nguyễn Hưng Thuận	Nam	11/03/1989	Hà Nội	3 năm	Lao
7. Ngành Điện quang và Y học hạt nhân (mã số đào tạo: 9720111): 09 học viên						
1.	Huỳnh Phượng Hải	Nữ	10/04/1981	Tiền Giang	3 năm	Điện quang và Y học hạt nhân
2.	Võ Thị Thúy Hằng	Nữ	17/11/1982	Long An	3 năm	Điện quang và Y học hạt nhân
3.	Bùi Thị Song Hạnh	Nữ	21/11/1991	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Điện quang và Y học hạt nhân
4.	Phạm Thị Tường Minh	Nữ	30/06/1981	Đồng Tháp	3 năm	Điện quang và Y học hạt nhân
5.	Nguyễn Hồ Thị Nga	Nữ	07/10/1984	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Điện quang và Y học hạt nhân

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Thời gian đào tạo	Chuyên ngành
6.	Lê Minh Thắng	Nam	15/12/1989	Gia Lai	3 năm	Điện quang và Y học hạt nhân
7.	Phạm Thị Hiếu Thảo	Nữ	22/06/1986	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Điện quang và Y học hạt nhân
8.	Nguyễn Thị Minh Trang	Nữ	23/01/1987	Gia Lai	3 năm	Điện quang và Y học hạt nhân
9.	Nguyễn Trương Hoàng Trang	Nữ	06/02/1994	Quảng Nam	3 năm	Điện quang và Y học hạt nhân
8. Ngành Dịch tễ học (mã số đào tạo: 9720117): 03 học viên						
1.	Nguyễn Hồ Hồng Hạnh	Nữ	19/03/1987	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Dịch tễ học
2.	Lê Hoà Khánh	Nam	11/07/1982	Khánh Hòa	3 năm	Dịch tễ học
3.	Nguyễn Thị Tuyết Nga	Nữ	01/06/1982	Đồng Nai	3 năm	Dịch tễ học
9. Ngành Tai – Mũi – Họng (mã số đào tạo: 9720155): 03 học viên						
1.	Trần Thị Thanh Hồng	Nữ	28/12/1982	Quảng Bình	3 năm	Tai Mũi Họng
2.	Vũ Đức Nhân	Nam	03/05/1994	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Tai Mũi Họng
3.	Nguyễn Thanh Tâm	Nam	23/04/1975	Hậu Giang	3 năm	Tai Mũi Họng
10. Ngành Nhân khoa (mã số đào tạo: 9720157): 03 học viên						
1.	Tôn Tường Trí Hải	Nam	16/06/1991	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Nhân khoa
2.	Lê Kim Ngân	Nữ	05/07/1994	Vĩnh Long	3 năm	Nhân khoa
3.	Hồ Đoan Trang	Nữ	15/04/1995	Bến Tre	3 năm	Nhân khoa
11. Ngành Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc (mã số đào tạo: 9720202): 05 học viên						
1.	Lê Nhất Linh	Nam	02/04/1996	Quảng Ngãi	3 năm	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
2.	Lê Thị Minh Ngọc	Nữ	14/03/1984	Đồng Tháp	3 năm	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
3.	Nguyễn Công Phi	Nam	18/10/1976	Cần Thơ	3 năm	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
4.	Nguyễn Hữu Thìn	Nam	18/12/2000	TP.Hồ Chí Minh	4 năm	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
5.	Lê Xuân Trường	Nam	19/01/1977	Vĩnh Long	3 năm	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Thời gian đào tạo	Chuyên ngành
12. Ngành Hóa dược (mã số đào tạo: 9720203): 02 học viên						
1.	Nguyễn Lê Hoàng Sơn	Nam	09/06/1997	TP.Hồ Chí Minh	3 năm	Hóa dược
2.	Nguyễn Đức Tri Thức	Nam	16/07/1993	Long An	3 năm	Hóa dược
13. Ngành Dược liệu - Dược học cổ truyền (mã số đào tạo: 9720206): 01 học viên						
1.	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	18/04/1987	Quảng Trị	3 năm	Dược liệu và dược học cổ truyền
14. Ngành Tổ chức quản lý dược (mã số đào tạo: 9720212): 03 học viên						
1.	Nguyễn Thanh Huy	Nam	15/05/1991	Hậu Giang	3 năm	Tổ chức quản lý dược
2.	Võ Công Nhận	Nam	19/05/1977	Tây Ninh	3 năm	Tổ chức quản lý dược
3.	Đặng Hữu Tâm	Nam	13/07/1980	Đồng Tháp	3 năm	Tổ chức quản lý dược
15. Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học (mã số đào tạo: 9720601): 01 học viên						
1.	Phạm Thái Bình	Nam	05/02/1974	Khánh Hòa	3 năm	Kỹ thuật xét nghiệm y học
16. Ngành Y tế công cộng (mã số đào tạo: 9720701): 04 học viên						
1.	Vũ Thị Châm	Nữ	20/08/1986	Lâm Đồng	3 năm	Y tế công cộng
2.	Nguyễn Ngọc Duy	Nam	04/10/1982	Hà Nội	3 năm	Y tế công cộng
3.	Đinh Thanh Long	Nam	16/04/1989	Đắk Lắk	3 năm	Y tế công cộng
4.	Hoàng Việt Phương	Nam	17/05/1986	Quảng Ninh	3 năm	Y tế công cộng

Ấn định danh sách công nhận trúng tuyển trình độ tiến sĩ năm 2025 đợt 2 có 73 (bảy mươi ba) học viên thuộc 16 ngành./.